

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ - ST

Ngày 15 – 07 – 2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Viêm Văn Doãn;
2. Ông Nguyễn Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST – DS ngày 15 tháng 06 năm 2020; Thông báo thay đổi ngày xét xử số 02/TB-TA ngày 01/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984 (Có mặt);

HKTT: Số 02, khu 3, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện cư trú: Xóm Trúc Đồng, thôn Thần Trúc, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Đỗ Anh T, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

HKTT: Số 02, khu 3, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Đỗ Anh T có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn từ ngày 27/03/2015 tại UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh T không chịu làm ăn và chăm lo cho gia đình mà chỉ xin tiền chị hoặc lấy hết đồ đạc trong gia đình đem

đi bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh T cũng thường xuyên đánh đập chị. Vậy, tháng 06/2019 chị làm đơn xin ly hôn anh T đến Toà án nhân dân thành phố B và đã được Toà án thụ lý. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh T bị tai nạn dẫn đến không đi lại được nên chị đã rút đơn ly hôn. Kể từ khi rút đơn xin ly hôn tình trạng vợ chồng giữa chị và anh T vẫn không có sự thay đổi, anh T chỉ thỉnh thoảng lên thăm con còn vợ chồng vẫn ly thân từ đó đến nay. Nay thấy vợ chồng không còn tình cảm nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thiên D, sinh ngày 26/08/2016 và Đỗ Nhật P, sinh ngày 30/12/2018. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị và ông bà ngoại. Ly hôn chị đề nghị nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn anh Đỗ Anh T vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/04/2020, anh T cho biết: Ngày 27/03/2015 anh và chị Nguyễn Thị Đ đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nhỏ, chị Đ về nhà mẹ đẻ sinh sống và làm đơn ly hôn anh. Sau đó chị Đ làm đơn xin rút đơn ly hôn và có về nhà anh vài ngày, sau đó chị Đ lại về Bắc Giang gửi con và đi làm. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn chị Đ do vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thiên D, sinh ngày 26/08/2016 và Đỗ Nhật P, sinh ngày 30/12/2018. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi 01 con chung: Đỗ Thiên D, sinh ngày 26/08/2016. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Toà án công bố lời khai của bị đơn, các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đỗ Anh T đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hoà giải công khai chứng cứ cũng như xét xử của Toà án.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Đỗ Anh T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ là người trực tiếp nuôi 02 con chung là Đỗ Thiên D, sinh ngày 26/08/2016 và Đỗ Nhật P, sinh ngày 30/12/2018. Quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp, chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Anh T và giải quyết nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

Bị đơn anh Đỗ Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Đỗ Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ kết hôn với anh Đỗ Anh T ngày 27/03/2015. Trước khi kết hôn chị Đ, anh T đã tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm, anh T không chịu làm ăn quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 06/2019 chị Đ làm đơn xin ly hôn anh T nhưng sau đó đã rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn xin ly hôn đến nay vợ chồng sống ly thân, tình trạng vợ chồng vẫn không có sự cải thiện. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Đ giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn nhưng anh T cũng không có biện pháp để vợ chồng quay về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị Đ được ly hôn anh T.

[2] Về con chung: Chị Đ, anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Thiên D, sinh ngày 26/08/2016 và Đỗ Nhật P, sinh ngày 30/12/2018. Hiện nay con đang ở cùng chị Đ và ông bà ngoại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ quan điểm được nuôi 02 con chung. Về phí tổn cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Hiện nay cháu D, cháu P vẫn ở cùng chị Đ, kể từ khi anh T và chị Đ ly thân các cháu cũng ở cùng mẹ. Cháu D và cháu P còn nhỏ, cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi. Ngoài ra, chị Đ có công việc và thu nhập ổn định. Do vậy cần xử cho chị Đ nuôi dưỡng cháu D và cháu P là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản, công nợ: Chị Đ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Đỗ Anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đỗ Thiên D, sinh ngày 26/08/2016 và cháu Đỗ Nhật P, sinh ngày 30/12/2018. Về phí tổn cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị Nguyễn Thị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0000138 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường Thị Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thanh Ngọc